

Bản án số: 175/2023/HS-PT

Ngày: 23 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Bùi Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2023/TLPT-HS ngày 05/5/2023 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2023/HS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Phạm Văn X**, sinh ngày 01/01/1970, tại thành phố H; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã P, thị xã B, tỉnh Q; nơi cư trú: đường T, khu phố B, phường B, thành phố TĐ, thành phố H; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Đ (chết) và bà Phan Thị K (chết); tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2022, đến ngày 26/9/2022; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **Lê Thị L**, sinh ngày 15/5/1958, tại thành phố H; nơi đăng ký thường trú: đường T, tổ G, khu phố A, phường B, thành phố TĐ, thành phố H; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị U (chết); có chồng và 01 con sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 401/2016/HSST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2022, đến ngày 26/9/2022; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. **Vũ Thị Tuyết H1**, sinh ngày 07/02/1970, tại tỉnh T; nơi đăng ký thường trú: đường S, tổ M, khu phố N, phường B, thành phố TĐ, thành phố H; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Minh T1 (chết) và bà Nguyễn Thị H5; có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 25/6/2010, Trưởng Công an phường Bình Chiêu, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) Quyết định xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2022, đến ngày 26/9/2022; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. **Kiều Thị H2**, sinh ngày 15/3/1969, tại thành phố H; nơi đăng ký thường trú: đường T, tổ H, khu phố C, phường B, thành phố TĐ, thành phố H; nơi cư trú: đường N, khu phố C, phường B, thành phố TĐ, thành phố H; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 1/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Kiêu Văn N (chết) và bà Võ Thị A (chết); có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2022, đến ngày 26/9/2022; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. **Lê Thị H3**, sinh ngày 01/5/1971, tại tỉnh H; nơi đăng ký thường trú: đường T, tổ E, khu phố A, phường B, thành phố TĐ, thành phố H; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T2 (chết) và bà Lê Thị V (chết); có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 401/2016/HSST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 06 tháng 03 ngày tù về tội “Đánh bạc”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2022, đến ngày 26/9/2022; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. **Nguyễn Thị H4**, sinh ngày 05/6/1966, tại thành phố H; nơi đăng ký thường trú: đường C, tổ A, khu phố D, phường B, thành phố TĐ, thành phố H; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Trần Thị B (chết); có chồng (chết) và 02 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sin năm 1987; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2022, đến ngày 26/9/2022; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/9/2022, Phạm Văn X, Kiều Thị H2, Vũ Thị Tuyết H1, Trần Thị O, Nguyễn Thị H4, Lê Thị H3 rủ nhau đến nhà Lê Thị L để chơi bài cào 06 (sáu lá) thắng thua bằng tiền, Lê Thị L lấy 01 bộ bài tây 52 lá đã cũ có sẵn trong nhà ra để chơi, Phạm Văn X là người làm cái. Cách thức chơi bài và mức độ thắng thua như sau: Từng người đặt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng cho một ván; Phạm Văn X chia mỗi người 6 lá bài được xếp thành 02 chi, mỗi chi 3 lá và tính điểm từng chi so với điểm bài của nhà cái. Nếu số điểm từng chi cao hơn số điểm bài của nhà cái thì nhà cái phải trả số tiền bằng với số tiền người này đã đặt, nếu bằng điểm thì hòa tiền, nếu thấp điểm hơn điểm bài của nhà cái thì nhà cái sẽ thắng và được lấy hết số tiền đã đặt.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi Phạm Văn X, Kiều Thị H2, Vũ Thị Tuyết H1, Trần Thị O, Nguyễn Thị H4, Lê Thị H3 và Lê Thị L đang đánh bạc thì bị đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Thủ Đức phối hợp Công an phường Bình Chiểu kiểm tra hành chính, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Thu giữ trên chiếu bạc 1.700.000 đồng; (trong đó: Phạm Văn X 300.000 đồng, Nguyễn Thị H4 100.000 đồng, Kiều Thị H2 100.000 đồng, Vũ Thị Tuyết H1 100.000 đồng, Trần Thị O 1.000.000 đồng, Lê Thị H3 100.000 đồng);

Thu giữ trong người số tiền dùng đánh bạc: 17.100.000 đồng; (trong đó: Lê Thị L 300.000 đồng, Trần Thị O 700.000 đồng, Vũ Thị Tuyết H1 9.600.000 đồng, Kiều Thị H2 2.000.000 đồng, Phạm Văn X 1.400.000 đồng, Nguyễn Thị H4 3.100.000 đồng); Tổng cộng 18.800.000 đồng.

Đối với Trần Thị O hiện đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định truy nã khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2023/HS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 phạm tội: “Đánh bạc”;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Vũ Thị Tuyết H1: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/9/2022;

- Xử phạt bị cáo Lê Thị H3: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/9/2022;

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Lê Thị L: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/9/2022;

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn X: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc bị bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/9/2022.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Kiều Thị H2: 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/9/2022;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H4: 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/9/2022;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định;

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/3/2023 và ngày 27/3/2023, các bị cáo Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4, Phạm Văn X đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Thị L là người lớn tuổi, số tiền các bị cáo Nguyễn Thị H4, Kiều Thị H2, Lê Thị H3 và Lê Thị L dùng vào việc đánh bạc không lớn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Văn X, Kiều Thị H2, Nguyễn Thị H4 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với các bị cáo Lê Thị L, Lê Thị H3 có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội “Đánh bạc”, bị cáo Vũ Thị Tuyết H1 từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác, bị cáo Phạm Văn X là người cầm cái thi đánh bạc, mức hình phạt là phù hợp nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận nội dung kháng

cáo của các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Lê Thị H3 và Vũ Thị Tuyết H1; đối với các bị cáo Nguyễn Thị H4, Kiều Thị H2 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt, cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ để răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Kiều Thị H2, Vũ Thị Tuyết H1, Trần Thị O, Nguyễn Thị H4, Lê Thị H3 đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào 06 lá thắng thua bằng tiền thì bị phát hiện bắt quả tang với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 18.800.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo Lê Thị L là người lớn tuổi, số tiền các bị cáo Nguyễn Thị H4, Kiều Thị H2, Lê Thị H3 và Lê Thị L dùng vào việc đánh bạc không lớn, học vấn thấp nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Văn X, Kiều Thị H2, Nguyễn Thị H4 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù năm 2016 các bị cáo Lê Thị L, Lê Thị H3 đã bị xét xử về tội đánh bạc, năm 2010 bị cáo Vũ Thị Tuyết H1 bị xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, các bị cáo đều đã thực hiện nộp tiền án phí, tiền phạt đến thời điểm này án tích và quyết định hành chính đều đã được xóa, từ sau thời điểm phạm tội và xử phạt hành vi vi phạm hành chính đến nay đều chấp hành tốt chính sách pháp luật ở địa phương nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên xét nội dung kháng cáo của các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

Các bị cáo Phạm Văn X, Kiều Thị H2, Nguyễn Thị H4, Vũ Thị Tuyết H1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình hoàn cảnh khó khăn, số tiền tham gia đánh bạc cũng không lớn, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xét nội dung kháng cáo của các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo hưởng án treo, nên cần thiết sửa bản án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có các sai sót như: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự khi xét xử;

Và năm 2010 bị cáo Vũ Thị Tuyết H1 chỉ bị xử phạt hành chính, nay đã được xóa cấp sơ thẩm khi xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trước hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2023/HS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn X: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;

Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị L: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;

Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Tuyết H1: 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;

Thời hạn thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Kiều Thị H2: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;

Thời hạn thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị H3: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;

Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H4: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;

Thời hạn thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

Giao các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Phạm Văn X, Lê Thị L, Vũ Thị Tuyết H1, Kiều Thị H2, Lê Thị H3, Nguyễn Thị H4 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo

quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định về án treo cho các bị cáo.)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|------------------------------------|-----|
| - TANDTC; | (1) |
| - TAND Cấp Cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - P.PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - TAND thành phố Thủ Đức; | (1) |
| - VKSND thành phố Thủ Đức; | (1) |
| - Công an thành phố Thủ Đức; | (1) |
| - Chi cục THADS thành phố Thủ Đức; | (1) |
| - Bị cáo; | (6) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (6) |
| - Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (31). | (7) |

Trần Minh Châu